

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **530/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 07-5-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Cẩm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Hoàng Liễu.
2. Ông Trần Văn Hào.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1108/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: ấp 5A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Chị V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: ấp 5A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Anh B vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn ngày 12/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn B bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Phú Thọ vào ngày 25/8/2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B hay đi nhậu về khuya, không có trách nhiệm với con cái và gia đình. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn có thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung, chị và anh B chung sống có hai con chung tên Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 19/5/2012 và Nguyễn Bảo L, sinh ngày 17/6/2018. Khi ly hôn chị yêu

cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, chị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho anh Nguyễn Văn B gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Nguyễn Văn B vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn B. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì anh Nguyễn Văn B có đăng ký tạm trú tại địa chỉ E8/29Y tổ 3 ấp 5A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và hiện anh B vẫn đang cư trú tại địa chỉ trên. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho anh Nguyễn Văn B nhưng anh B vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng

mặt anh B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 33, Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 25/8/2011 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh B là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Theo trình bày của chị V xác định giữa chị và anh B phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không còn yêu thương, không còn sự chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Vì vậy, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B. Còn anh B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến, yêu cầu về các yêu cầu khởi kiện của chị V.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo kết quả trả lời xác minh Ủy ban nhân dân xã A, huyện C tại Công văn số 5657/UBND ngày 04/12/2020 xác nhận trong quá trình chung sống giữa chị V và anh B có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai không hòa hợp. Đồng thời, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì anh B vắng mặt, như vậy, mâu thuẫn giữa chị V và anh B là có diễn ra. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị V và anh B đã không đạt được, đời sống chung giữa hai vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, chị V yêu cầu ly hôn đối với anh B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Chị V xác nhận giữa chị và anh B có hai con chung tên Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 19/5/2012 và Nguyễn Bảo L, sinh ngày 17/6/2018. Khi ly hôn chị V yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh B.

[7.1] Về quyền nuôi con sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định: Theo kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C thì hiện các cháu Nguyễn Thị Vân A và Nguyễn Bảo L đang sống cùng chị V và anh B.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 20/11/2020 thì cháu Nguyễn Thị Vân A có nguyện vọng được sống với mẹ. Còn cháu Nguyễn Bảo L chưa đủ 36 tháng tuổi. Do vậy, theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét khả năng của các đương sự về việc đảm bảo cuộc sống ổn định, tinh thần cho con sau khi ly hôn cũng như nguyện vọng của trẻ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Thị Vân A và Nguyễn Bảo L cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[7.2] Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Chị V không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, còn anh B vắng mặt không thể hiện ý kiến về con chung giữa anh và chị V. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết yêu cầu này theo ý kiến của chị V, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh B.

[8] Về tài sản chung: Chị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh B vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về tài sản chung giữa anh và chị V. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của chị V, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về nợ chung: Chị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh B vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về nợ chung giữa anh và chị V. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của chị V, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn B chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 33, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 25/8/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn B có hai con chung tên Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 19/5/2012 và Nguyễn Bảo L, sinh ngày 17/6/2018. Giao hai con chung tên Nguyễn Thị Vân A và Nguyễn Bảo L cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn B.

Anh Nguyễn Văn B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị V đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0080257 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị V đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã N, huyện K,  
Tỉnh Phú Thọ (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

**Trần Thị Hồng Cẩm**

2AAKKAM\*ιχεχαγ+